

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2023/HS-ST

Ngày 29/12/2023

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Truyền – Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm – Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN T, sinh năm 2001 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Đức D**, sinh năm: 1967 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1969; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/9/2023 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P – T. (Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Cháu **Mang Thị N**, sinh ngày: 06/9/2009.

Địa chỉ: Khu phố F, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **Mang Thị L**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu phố F, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Đỗ Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2022, trong quá trình hái cà phê thuê tại tỉnh Lâm Đồng, Phạm Văn T quen biết với cháu Mang Thị N, sinh ngày 06/9/2009, sau đó kết bạn Facebook, thường xuyên nói chuyện với nhau rồi nảy sinh tình cảm. Sau khi về lại thành phố P - T, Phạm Văn T và cháu N đã tự nguyện quan hệ tình dục 03 lần dẫn đến cháu N mang thai, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ không xác định được ngày trong tháng 12/2022, cháu N biết T bị tai nạn giao thông nên đi đến nhà T ở khu phố B, phường D, thành phố P - T để hỏi thăm sức khỏe. Lúc này, T bị đau nên nằm ở trong phòng ngủ của mình thì cháu N đi vào, ngồi bên cạnh T để hỏi thăm, cả hai nói chuyện được một lúc thì T chủ động quan hệ tình dục với cháu N, sau đó T chở cháu N về nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ không xác định được ngày trong tháng 01/2023, Phạm Văn T chở cháu N về nhà chơi, cả hai ngồi nói chuyện tại phòng khách được một lúc thì T nói cháu N đi vào phòng ngủ của T để nghỉ ngơi để chiều đi làm thì cháu N đồng ý. Tại đây, T chủ động quan hệ tình dục với cháu N, sau đó T chở cháu N về nhà rồi đi làm.

Lần thứ ba: Khoảng 11 giờ không xác định được ngày trong tháng 02/2023, Phạm Văn T chở cháu N về nhà chơi, cả hai ngồi nói chuyện tại phòng khách được một lúc thì T vào phòng ngủ nghỉ ngơi để chiều đi làm và nói cháu N cùng vào phòng thì cháu N đồng ý. Tại đây, T chủ động quan hệ tình dục với cháu N, sau đó T chở cháu N về nhà rồi đi làm.

Cả 03 lần quan hệ tình dục với nhau, cả T và cháu N đều không sử dụng bất kỳ biện pháp tránh thai nào. Đến ngày 04/04/2023, cháu N phát hiện mình có thai nên kể lại sự việc cho mẹ ruột là bà Mang Thị L nghe. Ngày 06/04/2023, bà L đưa cháu N đi siêu âm cho kết quả: Tại thời điểm siêu âm, cháu Mang Thị N đang mang thai được 15 tuần. Đến ngày 16/09/2023, cháu N sinh một bé gái nặng 2,3kg tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh N.

Tại kết luận giám định về ADN số: 574/23/KLGĐADN-PYQG ngày 20/10/2023 của V xác định: Phạm Văn T có quan hệ huyết thống Cha - Con với bé gái của sản phụ Mang Thị Như .

Cáo trạng số: 199/CT-VKSPRTC ngày 24/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - **T** truy tố bị cáo **Phạm Văn T** về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – **T** giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 45.000.000^d.

Bị cáo không tranh luận.

Bản phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N**: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo **Phạm Văn T** là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 45.000.000^d.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố P - T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Phạm Văn T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Từ tháng 12/2022 đến tháng 03/2023, tại nhà của bị cáo thuộc **khu phố B, phường Đ**,

thành phố P - T, bị cáo và cháu Mang Thị N tự nguyện quan hệ tình dục với nhau 03 lần, dẫn đến cháu N có thai, sinh ra một bé gái vào ngày 16/09/2023, khi quan hệ tình dục cháu N đủ 13 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi (cháu N sinh ngày 06/09/2009) nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T truy tố về tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đứng ra trước khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người khác bị cáo cần biết rõ người đó đã đủ tuổi chưa, mặc dù không biết rõ độ tuổi của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại nhưng không đáng kể theo yêu cầu của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000^d, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng mới chỉ bồi thường được số tiền 5.000.000^d, vì vậy, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 45.000.000^d.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 và 592 Bộ luật Dân sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T** 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 11/09/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 45.000.000^d (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo **Phạm Văn T** phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử kín sơ thẩm, tuyên án công khai có mặt bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án../.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND TP. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Châu